

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 167/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2024

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Bảo Y**. Sinh năm: 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

-Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc N**. Sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị và anh **N** tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **G**, tỉnh **Bạc Liêu** ngày 25/3/2011. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó thường xuyên xảy ra cự cãi, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Nay chị nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh **N**.

- Về con chung: Chị **Y** xác định quá trình chung sống chị và anh **N** có 02 con chung tên **Nguyễn Phúc H**, sinh ngày 03/12/2020 và **Nguyễn Phúc K**, sinh ngày

09/01/2012. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị **Y**. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

Đối với anh **Nguyễn Quốc N** dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, anh **N** vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án về các vấn đề chị **Y** yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Y** xin ly hôn với anh **N** được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại **thành phố C** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh **Nguyễn Quốc N** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng anh **N** vẫn vắng mặt không có lý do. Chị **Y** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **N**, chị **Y** theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu của chị **Y** về việc xin ly hôn với anh **N**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị **Y** và anh **N** kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2011 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu** theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2011 theo đúng quy định của pháp luật, do đó mối quan hệ hôn nhân giữa chị **Y** và anh **N** là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 23/5/2024 chị **Y** xác định vợ chồng có mâu thuẫn như: bất đồng quan điểm sông, thường hay cự cãi, chị luôn bị anh **N** xúc phạm, gia đình đã hàn gắn nhưng vẫn không được, mặc dù chị và anh **N** vẫn còn sống chung nhà nhưng anh chị đã ly thân, chị cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể duy trì nữa nên chị xin ly hôn với anh **N**.

Xét thấy, hôn nhân là mối quan hệ mà phải được cả hai người cùng có trách nhiệm xây dựng trên tinh thần tự nguyện, thông cảm, sẻ chia với nhau về mọi mặt trong đời sống nhưng chị **Y** xác định đời sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc nữa, đối với anh **N** mặc dù biết chị **Y** xin ly hôn nhưng anh vẫn không có ý kiến về việc này. Từ đó, cho thấy anh không muốn hàn gắn với chị **Y** nên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét thấy nếu

Hội đồng xét xử không chấp nhận cho chị Y ly hôn thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh N cũng không thể hàn gắn được nữa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y cho chị Y ly hôn với anh N.

[4] Con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Y có yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09/01/2012 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 03/12/2020. Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 01/7/2024 cháu Nguyễn Phúc K có nguyện vọng sống với chị Y nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Y giao con chung là Nguyễn Phúc K cho chị Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu H còn nhỏ nên cần tiếp tục giao cho chị Y nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu đặt ra nên không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung: Chị Y xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Chị Y xác định không có nên không xem xét.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình: Chị Y phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phùng Thị Bảo Y ly hôn với anh Nguyễn Quốc N.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09/01/2012 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 03/12/2020 cho chị Phùng Thị Bảo Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Y xác định không có.

- Án phí Hôn nhân và gia đình: Chị Phùng Thị Bảo Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 03/5/2024 chị Y đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0008566 được chuyển thu đối trừ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Chị **Y**, anh **N** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS tp.Cà Mau;
- UBND phường xã Tân Phong, H. Giá Rai,
T. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Út

